

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Nhu cầu vốn			Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 đã phân bổ và dự kiến phân bổ	Phân bổ chi tiết vốn 5 năm 2021-2025	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh									
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)					Tổng số 5 năm 2021-2025	Phân bổ chi tiết vốn 5 năm 2021-2025	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								Vốn phân bổ chi tiết				Vốn dự kiến phân bổ và phân bổ chi tiết sau	
													Trong đó				Trong đó	
Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu SXKT	Tăng thu thường xuyên NS tính năm 2021	Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu SXKT												
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=4+5	8	9	10	11	12	13	14		
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>8,138,809.1</b>	<b>7,029,438.1</b>	<b>3,976,527.616</b>	<b>266,259.728</b>	<b>0.000</b>	<b>3,976,527.616</b>	<b>348,933.362</b>	<b>1,563,619.740</b>	<b>5,352.194</b>	<b>28,240.000</b>	<b>369,382.805</b>	<b>1,651,913.555</b>	<b>9,085.960</b>		
<b>A</b>	<b>PHÂN BỐ VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN</b>			<b>3,284,742.7</b>	<b>2,475,371.7</b>	<b>2,330,929.877</b>	<b>266,259.728</b>	<b>43,519.419</b>	<b>2,374,449.296</b>	<b>347,633.362</b>	<b>1,362,140.390</b>	<b>5,352.194</b>	<b>28,189.350</b>	<b>156,398.758</b>	<b>474,735.242</b>			
<b>I</b>	<b>Dự án chuyên tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>231,870.3</b>	<b>71,870.3</b>	<b>85,782.881</b>	<b>40,310.378</b>	<b>-34,834.968</b>	<b>50,947.913</b>		<b>20,355.719</b>	<b>5,352.194</b>	<b>25,240.000</b>					
1	Trường THPT Nhị Chiêu (địa điểm mới - giai đoạn 1)	Kinh Môn	3262, 17/12/2015; 2067, 02/8/2022	44,725.3	44,725.3	39,757.540	19,565.320	-14,840.026	24,917.514		15,065.320	5,352.194	4,500.000					
2	Chống ngập úng và nuôi trồng thủy sản khu vực Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	Chí Linh	4400, 27/10/2016; 3278, 24/8/2020; 4561, 24/11/2022	187,145.0	27,145.0	46,025.341	20,745.058	-19,994.942	26,030.399		5,290.399		20,740.000					
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>3,052,872.4</b>	<b>2,403,501.4</b>	<b>2,245,146.996</b>	<b>225,949.350</b>	<b>78,354.387</b>	<b>2,323,501.383</b>	<b>347,633.362</b>	<b>1,341,784.671</b>		<b>2,949.350</b>	<b>156,398.758</b>	<b>474,735.242</b>			
<b>II.1</b>	<b>Dự án dự vốn, không có nhu cầu sử dụng vốn NSDP (bao gồm cả dự án sau khi đã phân bổ đủ vốn)</b>			<b>2,421,738.4</b>	<b>1,772,367.4</b>	<b>2,051,825.996</b>	<b>225,949.350</b>	<b>-359,458.613</b>	<b>1,692,367.383</b>	<b>347,633.362</b>	<b>1,341,784.671</b>		<b>2,949.350</b>					
1	Xây dựng mới Nhà ngoại sản - Trung tâm Y tế huyện Nam Sách	Nam Sách		60,000.0	60,000.0	60,000.000		-60,000.000										
2	Xây dựng mới Khoa hồi sức cấp cứu, Khoa Đông y và liên chuyên khoa; Nhà khoa Xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh - Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn	Kinh Môn				10,000.000		-10,000.000										
3	Cải tạo, nâng cấp công trình đê điều đê địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025	Tỉnh HD	43/NQ-HĐND; 29/10/2021	150,000.0	150,000.0	152,220.000		-2,220.000	150,000.000	26,508.460	123,491.540							
4	Tu bổ, nạo vét kênh dẫn nước tưới, tiêu và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025	Tỉnh HD	44/NQ-HĐND; 29/10/2021	167,698.8	167,698.8	169,748.832		-2,050.000	167,698.832	48,746.902	118,951.930							
5	Đề án Phát triển hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030		2271; 13/8/2021	260,000.0	260,000.0	320,000.000		-60,000.000	260,000.000		260,000.000							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Nhu cầu vốn			Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 đã phân bổ và dự kiến phân bổ	Phân bổ chi tiết vốn 5 năm 2021-2025	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh								
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)					Tổng số 5 năm 2021-2025	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Vốn phân bổ chi tiết			Vốn dự kiến phân bổ và phân bổ chi tiết sau		
												Trong đó			Trong đó		
Vốn XD CB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu SXKT	Tăng thu thường xuyên NS tính năm 2021	Vốn XD CB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu SXKT											
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=4+5	8	9	10	11	12	13	14	
6	Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu (CAIFRM/ADB10) tỉnh Hải Dương					165,000.000		-165,000.000									
7	Xây dựng cầu Cây và đường dẫn hai đầu cầu, tỉnh Hải Dương	Cầm Giang và Bình Giang	63/NQ-HĐND, 28/12/2021	202,980.0	202,980.0	204,010.000		-1,030.000	202,980.000	202,980.000							
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh	Thanh Hà	62/NQ-HĐND, 28/12/2021	421,189.0	421,189.0	424,189.000		-3,000.000	421,189.000		421,189.000						
9	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km28+600	Tứ Kỳ	09/NQ-HĐND; 29/4/2022	257,770.0	257,770.0	258,270.000		-500.000	257,770.000	69,398.000	188,372.000						
10	Số hóa tổng thể cơ sở dữ liệu hộ tịch trước năm 2014 trên địa bàn tỉnh			20,000.0	20,000.0	20,000.000		-20,000.000									
11	Nâng cấp hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại hóa ngành thuế		32/NQ-HĐND; 29/9/2022	2,949.4	2,949.4	3,000.000	2,949.350	-50.650	2,949.350				2,949.350				
12	Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã		2055; 29/7/2022	872,371.0	223,000.0	258,240.300	223,000.000	-35,240.300	223,000.000		223,000.000						
13	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương	TPHD	1663; 14/6/2022	6,780.2	6,780.2	7,147.864		-367.663	6,780.201		6,780.201						
<b>II.2</b>	<b>Dự án bổ sung kế hoạch vốn</b>			<b>631,134.0</b>	<b>631,134.0</b>	<b>193,321.000</b>		<b>437,813.000</b>	<b>631,134.000</b>					<b>156,398.758</b>	<b>474,735.242</b>		
1	Xây dựng trại tạm giam Công an tỉnh			112,000.0	112,000.0	40,000.000		72,000.000	112,000.000						112,000.000		
2	Di dời hạ tầng kỹ thuật và bồi thường, hỗ trợ GPMB đường dẫn cầu Kênh Vàng đến Quốc lộ 37, tỉnh Hải Dương	Nam Sách		519,134.0	519,134.0	153,321.000		365,813.000	519,134.000					156,398.758	362,735.242		
<b>B</b>	<b>GIẢN TIẾN ĐỘ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>			<b>3,187,880.0</b>	<b>3,187,880.0</b>	<b>1,645,597.739</b>		<b>-1,442,767.739</b>	<b>202,830.000</b>	<b>1,300.000</b>	<b>201,479.350</b>		<b>50.650</b>				
<b>B.1</b>	<b>Dự án khởi công mới dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>648,790.0</b>	<b>648,790.0</b>	<b>663,920.000</b>		<b>-661,990.000</b>	<b>1,930.000</b>	<b>1,300.000</b>	<b>630.000</b>						
1	Nhà đa năng và sân bóng, trường THPT Quang Trung, huyện Ninh Giang	Ninh Giang				14,500.000		-14,500.000									
2	Đầu tư xây dựng tuyến tránh đường tỉnh 398B (đoạn từ Quốc lộ 18 - hồ Bến Tắm)	Chí Linh	33/NQ-HĐND; 12/7/2021	648,790.0	648,790.0	649,420.000		-647,490.000	1,930.000	1,300.000	630.000						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Nhu cầu vốn			Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 đã phân bổ và dự kiến phân bổ	Phân bổ chi tiết vốn 5 năm 2021-2025	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh								
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT (lần cuối)					Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm				Vốn phân bổ chi tiết		Vốn dự kiến phân bổ và phân bổ chi tiết sau	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Trong đó				Trong đó		Trong đó	
										Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu SXKT	Tăng thu thường xuyên NS tính năm 2021	Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu SXKT	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=4+5	8	9	10	11	12	13	14	
<b>B.2</b>	<b>Dự án khởi công mới hoàn thành giai đoạn sau năm 2025</b>			<b>2,539,090.0</b>	<b>2,539,090.0</b>	<b>981,677.739</b>		<b>-780,777.739</b>	<b>200,900.000</b>		<b>200,849.350</b>		<b>50.650</b>				
1	Đường vành đai 1 của TPHD (cầu và đường nối sang KCN Đại An mở rộng)	TPHD và Cẩm Giàng		300,000.0	300,000.0	200,000.000		-200,000.000									
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	Tứ Kỳ và Thanh Hà	17/NQ-HĐND; 24/6/2022	846,420.0	846,420.0	280,307.739		-279,407.739	900.000		849.350		50.650				
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	TPHD và Tứ Kỳ	08/NQ-HĐND; 29/4/2022	1,392,670.0	1,392,670.0	501,370.000		-301,370.000	200,000.000		200,000.000						
<b>C</b>	<b>BỔ SUNG DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH VỐN DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>			<b>1,666,186.4</b>	<b>1,366,186.4</b>			<b>1,366,186.368</b>	<b>1,366,186.368</b>					<b>199,922.095</b>	<b>1,157,178.313</b>	<b>9,085.960</b>	
1	Xây mới Trạm kiểm lâm Côn Sơn - Hạt kiểm lâm thành phố Chí Linh, thuộc Chi cục Kiểm lâm Hải Dương	Chí Linh		4,888.0	4,888.0			4,888.000	4,888.000					4,888.000			
2	Đường vào Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn)	Chí Linh	837; 15/4/2022	266,117.0	66,117.0			66,117.003	66,117.003					66,117.003			
3	Xây dựng đường tránh đường tỉnh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ và xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ	Tứ Kỳ	402; 28/01/2022	152,038.2	52,038.2			52,038.191	52,038.191						52,038.191		
4	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên			60,000.0	60,000.0			60,000.000	60,000.000						60,000.000		
5	Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, đoạn từ Quốc lộ 37 vào đền Kiếp Bạc (1/2 bên trái từ ngã ba An Lĩnh đến ngã ba Đầu Rồng)	Chí Linh		437,000.0	437,000.0			437,000.000	437,000.000						437,000.000		
6	Xây dựng khu chung cư Tạ Quang Bửu, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương	TPHD		288,356.1	288,356.1			288,356.097	288,356.097						288,356.097		
7	Xây dựng trụ sở làm việc đội PCCC và CNCH của 6 đơn vị: Công an TPHD, Chí Linh, Kinh Môn, Kim Thành, Bình Giang và Tứ Kỳ			60,000.0	60,000.0			60,000.000	60,000.000						60,000.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư/ Nhu cầu vốn			Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 đã phân bổ và dự kiến phân bổ	Phân bổ chi tiết vốn 5 năm 2021-2025	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh								
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT (lần cuối)					Tổng số 5 năm 2021-2025	Bao gồm				Vốn phân bổ chi tiết		Vốn dự kiến phân bổ và phân bổ chi tiết sau	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP					Trong đó				Trong đó		Trong đó	
										Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu SXKT	Tăng thu thường xuyên NS tính năm 2021	Vốn XDCB tập trung	Thu sử dụng đất	Thu SXKT	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=4+5	8	9	10	11	12	13	14	
8	Xây dựng hệ thống phần mềm dùng chung tòa soạn hội tụ, phát triển báo chí đa phương tiện, số hóa dữ liệu Báo Hải Dương và mua sắm thiết bị công nghệ thông tin	TPHD		8,484.0	8,484.0			8,484.007	8,484.007						8,484.007		
9	Sửa chữa, cải tạo công trình Trụ sở Báo Hải Dương	TPHD		14,303.1	14,303.1			14,303.070	14,303.070						14,303.070		
10	Mua sắm trang thiết bị y tế tại 04 bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Nhi; Bệnh viện Phụ sản)			330,000.0	330,000.0			330,000.000	330,000.000					128,917.092	191,996.948	9,085.960	
11	Xử lý sự cố đê điều trên địa bàn huyện Nam Sách và huyện Thanh Hà	Nam Sách và Thanh Hà		45,000.0	45,000.0			45,000.000	45,000.000						45,000.000		
<b>D</b>	<b>VỐN PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU</b>							<b>33,061.952</b>	<b>33,061.952</b>					<b>13,061.952</b>	<b>20,000.000</b>		